

Trận cuối cùng- phần 1

Hai tháng sau ngày hoà bình, khi Sư đoàn 10 rời Tân Sơn Nhất về chốt ở Thủ Dầu Một thì tôi được “giải quyết chính sách”, có lẽ như vậy là thuộc diện được ra Bắc sớm nhất trong toàn quân. Ra theo xe của 559, tới Vinh lên tàu hoả.

Sáu năm trước đó, trên đường đi B, chúng tôi rời xe lửa xuống ga Vinh, cả một tiểu đoàn. Trong thành phần tiểu đoàn có đến năm mươi một người, già nửa đại đội, là trai Hà Thành, nhập ngũ cùng một đợt, đều vào hết B3. Mùa thu 1975, lên tàu ngược ra thì chỉ duy nhất có một mình tôi, chỉ một mình tôi mà thôi. Tâm trạng của chúng tôi, toán quân về vườn ấy vui hay buồn, như thế nào, thật khó tả. Lần lượt qua các ga Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý anh em xuống vãn dần. Trước khi rời toa, chúng tôi lặng lẽ chia tay nhau, không lâm ly uỷ mị nhưng cũng không rộn ràng cười nói, hầu như chẳng nói gì, chẳng hẹn ước gì, chỉ xiết chặt tay nhau, ôm lấy vai nhau, vậy thôi, lần chót.

Tôi xuống ga Hàng Cỏ buổi trưa, một ngày chủ nhật tháng Tám, trời mưa lất phất. Mặc dù từ lâu đã biết việc ga Hàng Cỏ bị bom Mỹ phá huỷ, mà nhìn thấy đồng đồ nát vẫn sống cả người, tôi phải ngồi lại một hồi lâu ở sân ga để định thần. Ngôi nhà ga cũ xưa, kiến trúc rất đẹp này có quá nhiều kỷ niệm sâu nặng đối với đời tôi, nhất là vào thuở ban đầu tuổi thanh niên, nỗi bịn rịn đầu tiên, cuộc chia ly đầu tiên...

Từ ga về nhà, tôi đi qua một chặng chừng non một cây số đường Nam Bộ. Đây là một trong những phường phố tấp nập nhất Hà Nội hồi đó, nhưng so với Sài Gòn mà tôi vừa từ giã thì vẫn thật là bình lặng, gần như êm ả. Trời mưa, nhưng tôi bỏ mũ cối ra, mở cúc áo ngực, hít thở, đón nhận căng tràn hương vị thành phố thân yêu. Tôi rảo bước theo nhịp tim đập dồn.

Qua chợ Cửa Nam, rồi vừa vượt chỗ chắn tàu, tôi khựng lại bởi nghe thấy tên của mình ai đó kêu rú lên gọi. Một người đàn bà từ sau quầy hiệu may nơi mặt tiền nhà 44 lao ra, chụp lấy quai ba lô của tôi. “Cháu về đấy à, cháu đã về đấy à, cháu ơi!...”. Rồi từ cháu ơi, bà kêu lên, “Kế ơi, Kế, con ơi, bạn con về rồi đây này, con ơi, Kế ...”. Tiếng khóc dữ dội, cuồng dại, nhưng mà như đang lặng ngắt. Đây là bà mẹ của Kế, bạn học một lớp với tôi ở trường Bưởi. Tôi nhập ngũ trước nên không hề biết rằng Kế cũng đã vào bộ đội, càng không hề biết rằng Kế đã hy sinh... Nhiều người trong nhà chạy ra đỡ lấy bà mẹ. Tôi thì cứ đứng thẫn ra, không nói được lời nào, nào biết nói gì, nhưng cảm lòng

không đậu, cơn thổn thức rất bỏng lòng ngực.

Nhà của tôi, số 43 Hàng Đầy, một ngôi biệt thự Tây mà từ sau cải tạo tư sản năm 59 đã thành một cái xóm với hơn chục gia đình. Chỉ nội một cái nhà 43 thôi cũng đã góp vào cho chiến tranh đến bốn chàng trai cô gái sà sà tuổi tôi. Thốt nhiên tôi thấy sợ. Sau cơn “nước mắt ngày gặp mặt” trước cửa nhà Kế, bao nhiêu hồi hộp và mừng vui dào dạt đã sống hết lại. Không chừng cả ở đây vẫn chỉ là duy nhất một mình mình, chỉ một mình mình mà thôi, trở về. Linh cảm đau xót ấy khiến lòng tôi se lại, khiến tôi chỉ dám hé cổng sắt ra, bước vào thật khẽ, rón chân đi qua sân. Buổi trưa, trong giấc thiu thiu, ngôi nhà lặng như tờ. Mẹ tôi, cha tôi không hề hay tin tôi về, đột ngột trông thấy tôi ở ngưỡng cửa, vậy mà không reo lên, không kêu lên. Tôi ôm lấy mẹ. Mẹ tôi lặng khóc. “Bảo nó chết rồi, vừa báo tử hôm kia”, đấy là lời đầu tiên mẹ tôi nói với tôi. “Hưởng thì báo tử năm ngoái...”.

Tối hôm ấy mẹ tôi soạn một bữa cơm thịnh soạn đoàn tụ gia đình. Có thức ăn ngon, có bia hơi, nhưng... không khí rất trầm. Cửa sổ khép lại. Đèn tắt bớt ngọn. Ngay bên kia tường là tang tóc gia đình Bảo, bên kia sân là gia đình Hường...

Tối hôm đó và nhiều ngày sau đó, lặng lẽ những ông bố, bà mẹ, người chị, người vợ bộ đội trong khu phố đến mừng cho tôi còn sống trở về. Những ngày ấy tôi rộc đi vì khổ tâm. Nào biết nói gì đây, biết an ủi thế nào. Đã ba tháng rồi, những ai còn sống qua chiến dịch cuối cùng thì đều đã có tin, vì vậy người thân của họ chưa phải vội đến tìm tôi. Đến tìm tôi toàn là ruột thịt của những anh em hoặc đã giấy báo tử từ lâu hoặc đến tận bấy giờ vẫn biệt âm vô tín, mà tôi thăm hiểu như thế nghĩa là sao. Tôi là lính của Mặt trận B3, trận mạc chủ yếu ở địa bàn Tây Nguyên, mà các ngã đường của chiến tranh, những nơi anh em mình đã nằm xuống thì khôn xiết: Thạch Hãn, Khe Sanh, A Sầu, Thượng Đức, Bến Cát, U Minh, Cà Tum, Mi Mốt, Long Chặng, Xăm thông... “Cháu có hay tin gì của thằng Đức nhà bác không cháu, có hồi nghe đồn đơn vị nó chiến đấu ở Cánh đồng Chum...” ... “Thư cuối anh trai em nói đang ở Long An, anh có từng qua vùng ấy không?” v.v... Chắc là bất kỳ ai trở về sau chiến tranh cũng đều gặp những câu hỏi như thế, chắc thông cảm được cho nỗi buồn đau hoà bình trong lòng tôi những ngày ấy.

Cũng là vì thuộc diện được ra Bắc sớm nhất nên trong ba lô của tôi có nhiều thư và quà của anh em quê “đất thánh” cùng tiểu đoàn gửi cho gia đình. Đến thăm những gia đình này thật là vui, bởi tôi mang đến cho họ niềm hạnh phúc vô bờ. Nhưng đâu phải gia đình nào cũng được như thế.

Riêng tại Hà Nội cũng có tới sáu địa chỉ mà tôi phải lấy hết can đảm để tìm tới. Thú thực, tìm tôi muốn ngừng đập khi đưa tay gõ cửa nhà những người bạn đồng ngũ đó. Nhất là trước cửa nhà Thường. Thường hy sinh sáng ngày 30 tháng Tư, vì vậy tôi biết gia đình anh chắc chắn chưa nhận giấy báo tử. Nhưng đồng thời tôi cũng biết chắc rằng ngay trước khi vào chiến dịch Hồ Chí Minh, Thường đã kịp gửi một lá thư về nhà. Lá thư đó hẳn là đã tới tay cha mẹ anh, thậm chí là vừa mới tới cũng nên. Mà quả nhiên là như vậy...

*

Thường là con cả của một gia đình thợ rèn, nhà ở đề Tô Hoàng, gần Chợ Giời. Anh hơn tôi hai tuổi, nhập ngũ trước một năm, và vốn là trinh sát trên tiểu đoàn bộ. Trong chiến dịch Buôn Ma Thuột, anh bị thương ở trận Chư Nga. Bị dập thương, khá nặng, nhưng non một tháng sau anh đã xuất viện, đã ruỗi kịp bước chân trung đoàn, và được điều về chỉ huy trung đội tôi. Chúng tôi, lính Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 Sư đoàn 10 Bộ binh. Mũi tấn công đột kích thọc sâu hướng tây bắc Sài Gòn.

Thường về chỉ huy trung đội tôi vào trung tuần tháng Tư, thời kỳ sư đoàn 10 đang hành quân lật cánh, từ Cam Ranh ngược đường 21 trở lại Buôn Ma Thuột rồi theo đường 14 xuống Gia Nghĩa, Kiến Đức, Lộc Ninh, quẹo về An Lộc đến Chơn Thành. Toàn sư đoàn hành quân bằng ô tô. Đủ loại. Dìn khơ và Dìn 157 của Nga. Vợt Tiến của Trung Quốc. GMC của Mỹ. Và cả xe đồ của dân. Như trung đội chúng tôi, hành quân ngang qua miền Nam cao nguyên xuống miền Đông, áp sát Sài Gòn, trên một xe khách Desoto bốn chục ghế đệm da, do cha con vợ chồng gia đình ông chủ hãng xe người Nha Trang thay nhau cầm lái.

Dừng nghỉ nấu cơm bên bờ một con suối gần Lộc Ninh, chúng tôi gặp một xe tải đưa gấp thương binh nặng từ Quân khu 9 chạy suốt ra Bắc cũng đang dừng nghỉ. Tuy đây là dịp may rất hiếm để kịp có được đôi dòng gửi gấp về cho gia đình, nhưng cả trung đội chỉ có Thường với vài người nữa tranh thủ. Tôi thì tự nhủ là để xong mùa khô này đã rồi sẽ biên thư về nhà. Nhưng chẳng qua là tôi sợ, sợ thời điểm kết thúc chiến tranh đang áp tới gần.

Bấy giờ là buổi chiều tối ngày 22 tháng Tư. Mạn trời dằng dồng Lộc Ninh ì ầm tiếng đại bác đã quá quen thuộc. Tĩnh chẳng có gì là bất thường.

Thế nhưng, mặc dù nội dung chiến dịch và phương án tác chiến cụ thể chưa phổ biến tới cấp tiểu đoàn, đại đội, song toàn quân có còn ai mà không biết Sài Gòn là mục tiêu trực chỉ của cuộc hành quân, còn ai

mà không hiểu mức độ ác liệt của trận quyết chiến cuối cùng.

Đêm 24 rạng ngày 25 chúng tôi tới vị trí tập kết chiến dịch. Đại đội ém quân tản thưa ra từng tiểu đội, ẩn dưới tán rừng cao su Dầu Tiếng. Chúng tôi khẩn trương đào công sự, bố trí cảnh giới, rồi học tốc mắc tăng võng. Hy vọng được một giấc ngủ bù thật đã đời, nhưng tôi chỉ chợp mắt được một lúc thì tới phiên gác, rồi cứ thế thức luôn, không ngủ lại được. Lòng bồi hồi khôn tả. Mình đang ngay cửa ngõ Sài Gòn! Là sự thực mà không sao tin nổi.

Tuyệt đối bí mật, lệnh hành quân là như vậy, nhưng theo tôi thì cuộc triển khai của quân ta trong mấy ngày đêm trước chiến dịch Hồ Chí Minh quân địch không thể nào không nhận thấy, nhưng không cách gì ngăn chặn. Bởi đây là một cuộc triển khai binh lực vĩ đại chưa từng. Quân ta cũng đã cố bước thật êm, nhưng mà đất đai sông suối rừng cây vẫn rền động. Khu rừng cao su trung đội tôi chốt nằm cách lộ lớn phải tới hơn hai cây số đường chim bay nhưng suốt đêm 25, ngày 26, đêm 26 nền đất không lúc nào ngừng rung chuyển tiếng động cơ và tiếng xích nghiến. Xích của T54, của K63, xích xe kéo pháo... So với những gì chúng tôi nghe thấy vào trước giờ mở màn tấn công Buôn Ma Thuật thì âm vang những chuyển động trong đêm 26 tháng Tư chứng tỏ sức mạnh của chiến dịch cuối cùng này là dữ dội đến nhường nào.

Nửa đêm 26 rạng sáng ngày 27, các đại đội của Trung đoàn 24 hành quân theo nhiều ngã đường trong các lô rừng cao su, tiến về hướng đông nam, áp sát đồng đất huyện Củ Chi. Trước đó, buổi chiều 26, kế hoạch tác chiến đã phổ biến về đại đội. Mọi việc của công tác chuẩn bị chiến đấu được tiến hành đầy đủ, kỹ lưỡng nhưng rất nhanh: Họp chi bộ, tổ đảng, họp hội đồng quân nhân. Khẩn trương, không nhiều lời, đại đội trưởng Tư phổ biến: Chiến dịch vinh dự mang tên Bác Hồ, Sư 10 vinh dự là khối đột kích thọc sâu tấn công theo lộ 1, vượt cầu Bông, đến ngã tư Bảy Hiền, rẽ trái tấn công Tân Sơn Nhất. E24 là bộ binh của Thê đội tiên phong. K5 là mũi tiên phong của trung đoàn. Còn C7 chúng ta là mũi tiên phong của K5. Không kịp đắp sa bàn, mỗi trung đội được phát một tấm sơ đồ Sài Gòn vẽ tay, rất giản lược. Sài Thành giống hình một con cá lớn, đuôi đằng tây, phía đông ngoạm miệng vào khúc cong của sông Sài Gòn. Phố xá được biểu thị đại khái. Sân bay là một vị trí ở phía bắc trên lưng con cá. Trục tấn công của Thê đội Một khá gấp khúc: Quận lỵ Củ Chi- Cầu Bông- Thành Quan Năm- Tham Lương- Bà Quẹo- đường Lê Văn Duyệt - Ngã tư Bảy Hiền- Cửa số 5 sân bay. Quyết tâm dứt điểm sân bay trong vòng một tuần.

Lính được cấp tốc trang bị lại, tinh, gọn, mặc dù cũng khá nặng: 3 cân

lượng khô BA70, một cân 702, một túi gạo sấy của ngụy, hai hộp thịt, túi ruốc, một hộp sữa, nửa ký đường viên của Mỹ, 5 bao Tam Đảo. Bốn cơ số đạn AK. Mười lựu đạn: 5 u-ét của Mỹ và 5 quả ỏi của Nga. Mỗi tiểu đội hai khẩu B40, một B41, một RBD. Hơn 20 chục ký vũ khí và lương thực trên lưng và quanh người cho ba ngày chiến đấu đầu tiên. Nặng nhưng vững tâm, bởi mỗi người là một khối hỏa lực cực mạnh, và nhất là không phải lo đói, mới lo “truyền thống” của lính Tây Nguyên.

*

Sáng ngày 29 tháng Tư. Rạng đông. Năm giờ. Từ Bến Súc, C7 của K5 trung đoàn 24 bám tháp pháo và ngồi trong khoang 15 chiếc xe tăng T54 và thiết giáp K63 dẫn đầu đội hình Sư đoàn băng ngang cánh đồng Củ Chi để ra lộ Một. Sư đoàn 320 cũng đã mở màn tấn công căn cứ Đồng Dù của Sư 25 ngụy để mở đường cho hai trung đoàn 24 và 28 của Sư 10 tốc chiến đột kích vào nội đô.

Lộ Một, lớn rộng, thẳng ro, tráng nhựa láng lỳ. Chẳng khác nào là công binh Mỹ đã dốc sức ra trong nhiều năm để mở một con đường thênh thang và tiện nghi cho đại quân Việt cộng vào lấy Sài Gòn. Đại đội 7 bộ binh cùng đại đội 9 trung đoàn xe tăng 273 đánh vỡ mặt vào quận lỵ Củ Chi. Quân ta tiến theo đội hình sóng đôi: Một T54 kèm một thiết giáp K63 chở bộ binh tạo ra những cặp sức mạnh “binh chủng hợp thành”. Trước cửa vào Củ Chi quân ta bắn cháy liền một lúc 4 chiếc M48. Bộ binh địch điên lên vì sợ vùng khỏi công sự tháo chạy tràn ra trên mặt đường dưới đà lướt của xích tăng T54 và lưới đạn đại liên.

Tới xế trưa, K5 đã vượt qua quận lỵ Củ Chi và tiến thẳng tới Cầu Bông. Anh em đặc công đã chiếm cây cầu quan trọng này vào lúc rạng sáng. Địch tung cả một thiết đoàn với hàng ngàn bộ binh từ Hậu Nghĩa đánh về phản kích tái chiếm cầu. Sư 10 đã kịp thời áp tới ứng cứu anh em đặc công. Trên cánh đồng Tân Phú Trung, trưa ngày 29, đã diễn ra trận cầu Bông, trận “đấu xe tăng” lừng danh. Đòi tôi chưa bao giờ thấy tập trung một lúc tại một dải đất hẹp nhiều xe tăng đến như vậy. Sắt thép tụ lại đông đặc, gầm rú khủng khiếp, nã trực diện đại bác 100 ly, 90 ly, 76 ly vào nhau ở những khoảng cách không tới một trăm thước. Sau hơn một giờ đồng hồ giao chiến, 30 xe tăng M48 và M41, gần trăm xe M113 và GMC chở quân bốc cháy trên cánh đồng lúa phía tây nam cầu Bông. Toàn bộ thiết đoàn xe tăng của Quân đoàn 4 ngụy bị tiêu diệt. Bộ binh tan vỡ. Cánh cửa bằng thép mạn tây bắc Sài Gòn đã bật toang.

K5 lại tiếp tục theo xe tăng phát triển tới trước thành Quan Năm. Bảy

chiếc T54 trực chỉ mặt phố tấn công, còn bộ binh toả hai mũi vu hồi đánh vào mạn sườn tiểu đoàn 8 dù. Trận đánh kéo dài chừng 30 phút thì quân ta chiếm được thành. Quân dù vừa đánh trả vừa rút về phía Bà Quẹo. Quân ta ráo riết truy kích, tới chừng ba giờ chiều thì xáp đến cổng Trung tâm huấn luyện Quang Trung, nhưng Sư đoàn hạ lệnh cho Thê đội Tiên phong bỏ qua bọn địch đang cố thủ trong đó để tranh thủ thời gian và thời cơ áp sát khu vực phi trường Tân Sơn Nhất. Chừng 5 giờ chiều thì trung đoàn 24 vượt cầu Tham Lương, tấn công khối phòng thủ của lữ dù và chiến đoàn xe tăng ngụy tại Nhà máy dệt Vinatexco. Địch lùi về giữ Bà Quẹo và tiến hành phản kích. Nhưng đến bảy giờ rưỡi tối thì địch phải rút chạy về tuyến trong. 21 giờ ngày 29 tháng Tư, C7 trung đoàn 24 áp sát ngã tư Bảy Hiền. Tới đây, Thê đội Tiên phong được lệnh dừng lại, đợi hậu quân, chờ trăng lên. Sau một ngày tấn công quyết liệt chúng tôi đã thực sự bước vào nội đô Sài Gòn!

Nói tóm lược như vậy, nhưng trong thực tế thì ngày 29 tháng Tư là một ngày thật dài, có thể nói là dài nhất trong đời của người. Riêng với trung đoàn 24 Bộ binh và trung đoàn 273 Thiết giáp thì những khó khăn ác liệt của các trận đánh liên tiếp trong ngày 29 không thua kém gì mức độ những ngày tấn công Buôn Ma Thuột, thậm chí cả những ngày cao đỉnh ác chiến năm 72. Đánh địch trong hành tiến, hơn nữa, trong đô thị là cực kỳ gay go. Do tấn công vào vùng đô thị đông dân, quân ta không thể dùng hỏa lực lớn của đại bác và cối cỡ lớn để yểm trợ bộ binh. Hỏa lực mạnh nhất của các mũi xung kích là DKZ75 và pháo tăng 100 ly cũng buộc phải hạn chế uy lực. Trong khi đó thì quân ngụy dốc mọi hỏa lực các cỡ ra chống trả. Hàng chục khẩu đại bác 105 ly, cối 106 và 81 ly từ Gò Vấp và từ các căn cứ quanh sân bay nã cấp tập vào phố xá dày đặc nhà cửa trên dọc con đường hành tiến của Sư 10. Sau khi bị vỡ tuyến cầu Bông và thành Quan Năm, phải lùi về tuyến trong, dựa vào phố xá, sức chống cự của bộ binh địch không suy giảm đi mà càng quyết liệt hơn. Thông thạo địa hình địa vật và cũng rất thiện chiến, quân dù và cảnh sát dã chiến của biệt khu thủ đô triển khai thành từng phân đội nhỏ chót kềm với xe tăng M48 vừa có khả năng phòng thủ vững chắc vừa tổ chức được liên tiếp những đợt phản kích đánh tạt sườn rất mạnh và linh hoạt với sự yểm trợ ồ ạt của không quân

Bấy giờ mặc dù phi trường Tân Sơn Nhất đã bị pháo binh ta khoá chặt, nhưng địch vẫn còn nguyên vẹn nhiều sân bay và phi đoàn ở Vùng Bốn. Suốt ngày 29 không quân ngụy tung toàn lực ra đánh chặn các mũi đột kích của quân ta. Trên suốt chặng đường tấn công từ cầu

Bông tới ngã tư Bảy Hiền, trung đoàn 24 đã hàng chục lần bị máy bay địch gồm các loại F5, A37, trực thăng vũ trang tấn công vào đội hình.

Cũng trong ngày hôm ấy, sau hơn hai năm vắng bóng, máy bay F4 của Hải quân Mỹ đã xuất hiện trở lại. Chúng quần đảo trên vùng trời Sài Gòn để yểm trợ cho cuộc di tản bằng trực thăng, song đối với chúng tôi và có lẽ với cả các toán quân nguy đang ráng sức chống đỡ thì sự hiện diện của máy bay F4 chỉ có nghĩa là quân Mỹ đã trực tiếp tham chiến trở lại. Tiếng gầm rống của hơn chục chiếc Con Ma, những loạt bom phá, bom phát quang, bom bi dập thẳng xuống phố xá chắc chắn đã có tác dụng nâng đỡ tinh thần cho quân dù nguy vốn chỉ quen tác chiến trong sự che chở của hỏa lực Mỹ.

Ngày 29 càng về chiều càng nóng bỏng. Tại khu vực Nhà máy Vinatexco, không quân địch đã sử dụng đến cả đạn rốc két hoá học để chặn bước quân ta và mở đường cho quân dù phản kích. Đặc biệt ác liệt là những trận đánh giành nhau từng ngôi nhà góc phố ở Bà Quẹo và trên chặng đường Lê Văn Duyệt từ Bà Quẹo về ngã tư Bảy Hiền. Trong bóng tối đang dần trùm xuống nom rõ hàng chục ô cửa sổ nhòang nhòang chớp lửa đầu nòng của các ổ đại liên và DK địch. Xe tăng M48 núp trong các hẻm ngang nã bừa đại bác vào các toà nhà. Những phát đạn tăng cỡ 90 ly ấy có thể xuyên qua hàng chục ngôi nhà, thậm chí hàng dãy phố rồi mới phát nổ, không biết là đã giết hại biết bao nhiêu dân thường.

Vào lúc 19 giờ, trời đã tối hẳn và mưa, có lẽ là cơn mưa đầu của mùa mưa Sài Gòn năm ấy, tám chiếc A37 từ Trà Nóc lên đồng loạt bỏ nhào trút bom xuống phía mạn bên số lẻ của đường Lê Văn Duyệt. Có thể coi đây là trận bom cuối cùng trong cuộc chiến tranh Việt Nam, và đây thực sự là một vụ thảm sát. Nhà cửa nổ tung vỡ tan bốc cháy trong mưa. Dân chúng thương vong rất nhiều.

Đường vào giải phóng Sài Gòn không hoàn toàn thên thanh và vui tươi hồ hởi như phim ảnh và thi ca thường mô tả. Trên con đường dài từ quận lỵ Củ Chi tới ngã tư Bảy Hiền, riêng trung đoàn 24 đã hy sinh mất gần năm chục anh em, bị thương thì tới cả trăm người. Đối với anh em bên trung đoàn xe tăng 273, ngày 29 tháng Tư cũng là ngày mà trung đoàn phải chịu nhiều tổn thất nhất trong suốt 60 ngày đêm của chiến cuộc mùa khô 1975.

(Báo Văn nghệ Trẻ)